TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NGŨ HÀNH SƠN** **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **47**/2024/QĐST- HNGĐ	*Ngũ Hành Sơn, ngày 21 tháng 5 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGŨ HÀNH SƠN – TP. ĐÀ NẴNG

Căn cứ: Khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, Điều 212, 213, 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thườn vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân gia đình thụ lý số: 41/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2024 về việc "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung*" gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

** Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân gia đình:*

- ***Người yêu cầu:*** Ông **Lê Đức T –** Sinh năm: 1985 – Nơi ĐKHKTT: CC B1907 Fhome, 16 đường L, quận H, Tp Đà Nẵng. Địa chỉ liên hệ: 17 đường M 22, phường M, quận N, thành phố Đà Nẵng.

- ***Người yêu cầu:*** Bà **Vũ Trịnh H** – Sinh năm: 1992 – Nơi ĐKHKTT: CC B1907 Fhome, 16 đường L, quận H, Tp Đà Nẵng. Địa chỉ liên hệ: 17 đường M 22, phường M, quận N, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] **Về thủ tục:** Đơn yêu cầu của ông Lê Đức T và bà Vũ Trịnh H nộp tại Tòa án là đúng thủ tục và thẩm quyền được quy định tại Khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] **Về nội dung:** Ông Lê Đức T và bà Vũ Trịnh H kết hôn với nhau vào năm 2023, đăng ký kết hôn tại UBND phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 156/2014, quyển số 1/2014 cấp ngày 28/8/2014. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Tại phiên hòa giải ông Lê Đức T và bà Vũ Trịnh H xác định: Trong quá trình chung sống với nhau, giữa ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất

đồng quan điểm sống, chủ yếu là do tính cách khác biệt dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, to tiếng với nhau. Vợ chồng cũng đã nói chuyện với nhau nhiều lần để tìm cách giải quyết mâu thuẫn nhưng không có kết quả làm cho đời sống hôn nhân ngày càng trầm trọng. Hai bên gia đình cũng đã hòa giải nhưng không có kết quả. Nay ông bà xác định về tình cảm không còn thương yêu nhau nữa, vì vậy ông bà đề nghị Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn cho ông bà.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của ông Lê Đức T và bà Vũ Trịnh H thì thấy: Hạnh phúc gia đình chỉ thật sự có được dựa trên sự yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, thế nhưng giữa ông T và bà H lại không làm được điều này. Tại phiên hòa giải thì ông T và bà H đều xác định không còn tình cảm với nhau. Xét thấy, hiện mâu thuẫn của ông T và bà H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông T và bà H là phù hợp quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Tại phiên hòa giải, ông Lê Đức T và bà Vũ Trịnh H xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Đức D – Sinh ngày: 08/10/2017 và Lê Vũ Ngọc M – Sinh ngày: 06/01/2022. Ly hôn ông, bà thỏa thuận giao cả 02 con chung cho bà Vũ Trịnh H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi các con chung mỗi tháng 15.000.000 đồng/2 con (7.500.000 đồng/con) cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi. Thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con kể từ khi án có hiệu lực pháp luật.

Bên không trực tiếp nuôi con vẫn được thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung, không ai được cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích của con chung, các bên đều có quyền yêu cầu giải quyết về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5] Về tài sản chung: Tại phiên hòa giải, ông Lê Đức T và bà Vũ Trịnh H xác định không có.

[6] Về nợ chung: Tại phiên hòa giải, ông Lê Đức T và bà Vũ Trịnh H xác định không có.

[7] Về lệ phí HNGĐ-ST: 300.000 đồng ông Lê Đức T và bà Vũ Trịnh H thỏa thuận mỗi người chịu một nửa là 150.000 đồng. Được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001717 ngày 24/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận N, thành phố Đà Nẵng.

Xét thấy việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 13 tháng 5 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó theo quy định tại Điều 212, 213, 397 Bộ luật tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân**: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông **Lê Đức T** và bà **Vũ Trịnh H.** *(Do công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Lê Đức T và bà Vũ Trịnh H nên Giấy chứng nhận kết hôn số: 156/2014, quyển số 1/2014 cấp ngày 28/8/2014 tại UBND phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng không còn giá trị hợp pháp).*

- **Về quan hệ con chung**: Ông Lê Đức T và bà Vũ Trịnh H xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Đức D – Sinh ngày: 08/10/2017 và Lê Vũ Ngọc M – Sinh ngày: 06/01/2022. Ly hôn ông, bà thỏa thuận giao cả 02 con chung cho bà Vũ Trịnh H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi các con chung mỗi tháng 15.000.000 đồng/2 con (7.500.000 đồng/con) cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi. Thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con kể từ khi án có hiệu lực pháp luật.

- **Về tài sản chung**: Ông Lê Đức T và bà Vũ Trịnh H xác định không có.

- **Về nợ chung**: Ông Lê Đức T và bà Vũ Trịnh H xác định không có.

2. Về lệ phí HNGĐ-ST: 300.000 đồng ông Lê Đức T và bà Vũ Trịnh H thỏa thuận mỗi người chịu một nửa là 150.000 đồng. Được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001717 ngày 24/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận N, thành phố Đà Nẵng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự.
- VKSND quận N.
- UBND phường A, Quận S, Tp. Đà Nẵng.
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

NGUYỄN THỊ TRÂM